

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2017/HSST
Ngày 24-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Một;
2. Bà Đoàn Thị Cẩm Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Thanh - Kiểm sát viên;

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý khu phố 4, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 154/2017/TLST- HS ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Nhựt T** (tên gọi khác: Quậy), sinh ngày: 01/5/1998; tại: Tây Ninh. Nơi ĐKNKTT: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật. Con ông Trần Long N, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Vợ, con: Chưa có. Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 14/6/2017 đến nay.

Tiền án: Không có (Bị cáo bị TAND Thành phố Tây Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 25/2015/HSST ngày 27/11/2015. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự 2015, do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên được xóa án tích). Tiền sự: Không có.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh **Đào Thanh T1**, sinh năm: 2002. Địa chỉ: khu phố N, phường H, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phan Thị Ngọc A**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: khu phố N, phường H, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Chị **Bùi Thị Mỹ L**, sinh năm: 2001. Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Công M**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Chị **Nguyễn Ngọc Mỹ A1**, sinh năm: 1999. Địa chỉ: khu phố N, phường H, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đào Thị H**, sinh năm: 1966. Địa chỉ: khu phố N, phường H, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

4. Chị **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm: 2002. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)..

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

5. Bà **Nguyễn Thị Kim L1**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

6. Ông **Văn Công T3**, sinh năm: 1966. Địa chỉ: khu phố 5, phường M, Thành phố P, tỉnh Ninh T1 (vắng mặt).

7. Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

8. Anh **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

9. Anh **Lê Hoàng H**, sinh năm: 1997. Địa chỉ: khu phố L, phường N, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

10. Chị **Lưu Hồ Phương T4**, sinh năm: 2001. Địa chỉ: ấp H, xã Y, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Hồ Thị T5**, sinh năm: 1966. Địa chỉ: ấp H, xã Y, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

11. Anh **Võ Văn Đ1**, sinh năm: 1997. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Nguyễn Thị Thảo T6**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra đã xác định được, Trần Nhật T vừa chấp hành xong hình phạt tù tại trại giam Long Hòa, tỉnh Long An ngày 01/9/2016 và về địa phương sinh sống, do không có tiền tiêu xài nên T dùng thủ đoạn lên mạng xã hội zalo, facebook để làm quen với nhiều người, sau đó hẹn gặp mặt và nói dối là mượn xe đi rước bạn hoặc đi công chuyện để chiếm đoạt nhiều tài sản là xe máy và điện thoại, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 10/2016 qua mạng xã hội facebook T quen với Đào Thanh T1, đến ngày 16/10/2016 T rủ T1, A và P (không rõ họ tên, địa chỉ) đi hát karaoke tại quán Tây Thi thuộc khu phố X, phường Y, Thành phố T. Sau đó T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70AA-052.14 của T1 nên nói dối là mượn xe về đưa chìa khóa cho mẹ. Khi có xe T chạy sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 2.000.000 đồng, T sử dụng tiền đánh bạc hết.

Vụ thứ hai: Cuối tháng 01/2017 T đi chơi ở khu du lịch núi Bà Đen nên quen Võ Văn Đ1, sinh năm 1997, ngụ: ấp P, xã T, huyện D. Ngày 02/2/2017 T điện thoại kêu Đ1 đến bến xe Tây Ninh rước đi uống nước, sau đó cả hai đến quán nước mía thuộc khu phố N, phường S, Thành phố T. T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70E1-288.85 của Đ1 nên nói dối mượn xe đến nhà bạn rồi quay lại, Đ1 tin tưởng nên giao xe cho T, khi lấy được xe T chạy sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 2.500.000 đồng, T sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết.

Vụ thứ ba: Vào tháng 02/2017 qua mạng zalo T quen với Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 2001, ngụ: ấp T, xã A, huyện C. Ngày 24/02/2017 T điện thoại kêu L đến nhà rước đi chơi, sau đó cả hai đến khu vực Cầu Quan thuộc khu phố 2, phường 2, Thành phố Tây Ninh ăn tối. Thấy L có xe máy nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên nói dối là mượn xe mô tô biển số 70D1-323.33 của L để đi rước bạn, L tưởng thật nên giao xe cho T. Khi có xe T chạy sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 5.000.000 đồng, T sử dụng tiền đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 10 ngày sau T chỉ chỗ thế xe cho ba của L là anh Bùi Công M chuộc xe về với giá 11.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào tháng 3/2017 qua mạng zalo T quen với Nguyễn Ngọc Mỹ A1, sinh năm 1999, ngụ: khu phố N, phường H, Thành phố T. Ngày 01/4/2017 T điện thoại kêu Mỹ A1 đến bến xe Tây Ninh rước đi chơi. T chở Mỹ A1 đến quán cà phê Gió Rừng

thuộc khu phố A, phường B, Thành phố T, sau đó T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70T1 – 5900 và điện thoại hiệu Samsung Galaxy J3 nên nói dối mượn điện thoại và xe mô tô để gọi và rước bạn, Mỹ A1 tưởng thật nên giao xe và điện thoại cho T. Khi lấy được xe, điện thoại T chạy sang Campuchia thế xe cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 1.500.000 đồng rồi quay về cửa khẩu Mộc Bài vào tiệm điện thoại không nhớ bảng hiệu bán được 700.000 đồng, T lấy tiền tiêu xài và đánh bạc hết.

Vụ thứ năm: Vào tháng 3/2017 qua mạng zalo T quen với người tên L2 (không rõ họ tên, địa chỉ). Ngày 18/4/2017, T điện thoại rủ L2 đến chơi và cùng về Tây Ninh, khi đến khu vực ngã tư Giếng Nước thuộc huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cả hai đón xe ôm của anh Văn Công T3, sinh năm 1966, ngụ: khu phố 5, phường M, Thành phố P, tỉnh N chở đi. Khi đến nhà nghỉ Hà My 2 thuộc khu phố Y, phường X, Thành phố T thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại Nokia C1 và xe mô tô biển số 54Y4-2732 nên kêu L2 ra đầu đường đứng đợi, còn T nói dối mượn điện thoại và xe mô tô của anh T3 để gọi và chạy về gặp mẹ lấy tiền. Anh T3 tin tưởng nên giao xe và điện thoại. Khi lấy được xe và điện thoại T chạy ra chở L2 đi chơi, sau đó một tuần T xuống Thành phố Hồ Chí Minh vào tiệm điện thoại không nhớ địa chỉ bán được 200.000 đồng, còn xe T gửi ở bệnh viện đa khoa tỉnh Tây Ninh, sau đó lấy ra sử dụng.

Vụ thứ sáu: Vào ngày 25/4/2017 T đến nhà Trương Hữu L3, sinh năm 1998 ngụ ấp M, xã L, huyện H chơi, tại đây có Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 2002, ngụ: ấp M, xã L, huyện H. Do không có tiền tiêu xài T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại hiệu Samsung Galaxy J2 nên nói dối mượn điện thoại của T2 để nhắn tin cho bạn. Lúc này có chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1967, ngụ: ấp T, xã L, huyện H đến tìm con là anh Tạ Nguyễn Đ2. Thấy vậy T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70B1-615.04 nên nói dối với chị L1 đưa xe để đi tìm Đ2 về, chị L1 tin tưởng nên giao xe cho T. Khi có xe và điện thoại T chạy sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 2.000.000 đồng, rồi quay về cửa khẩu Mộc Bài vào tiệm không nhớ bảng hiệu bán điện thoại được 1.200.000 đồng, T sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết.

Vụ thứ bảy: Vào cuối tháng 4/2017 T điện thoại rủ anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1998, ngụ: ấp L, xã B, huyện H đi núi Bà Đen chơi. T chở Nguyễn Thị Thanh T2 bằng xe mô tô biển số 54Y4-2732, trên đường về đến ngã ba núi thuộc khu phố N, phường T, thành phố Tây Ninh T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70G1-123.88 của anh P nên nói dối là đổi xe để đi lấy tiền về nhậu do xe T không có đèn sọc Công an bắt, anh P tin tưởng nên giao xe cho T, sau đó T chở T2 đi được một đoạn thì để T2 xuống, T chạy xe sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 4.200.000 đồng, T sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết.

Vụ thứ tám: Vào đầu tháng 5/2017 T điện thoại rủ bạn cùng xóm là Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998, ngụ: ấp X, xã T, huyện C đến bến xe Tây Ninh rước T đi chơi.

T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70D1-268.95 của Đ nên nói dối mượn xe rước bạn rồi quay lại, khi lấy xe T chạy sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 4.000.000 đồng, T sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và đánh bạc thua hết. Khoảng 10 ngày sau T điện thoại cho Đ chỉ chỗ sang Campuchia và chuộc được xe với giá 7.000.000 đồng.

Vụ thứ chín: Vào tháng 5/2017 qua mạng zalo T quen M, T2 (không rõ họ tên, địa chỉ) sau đó rủ M, T2 và bạn T2 là anh Lê Hoàng H, sinh năm 1997, ngụ khu phố L, phường N, Thành phố T vào quán Karaoke Nhà Tôi thuộc khu phố A, phường C, thành phố T. Sau đó T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70B1-508.16 của anh H nên nói dối mượn xe chở My về nhà lấy điện thoại, anh H tưởng thật nên giao xe cho T. Khi lấy xe T chở M đến trước nhà nghỉ Danh Tiếng thuộc khu phố S, phường Y, thành phố T kêu M đứng chờ để T về nhà lấy điện thoại, sau đó T chạy xe Campuchia thế cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 4.200.000 đồng, T sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết.

Vụ thứ mười: Vào tháng 5/2017 qua mạng facebook T quen Lưu Hồ Phương T4, sinh năm 2001, ngụ ấp H, xã Y, Thành phố T. Ngày 01/6/2017 T điện thoại kêu T4 đem 05 cây sơn môi đến bên xe Tây Ninh để mua, khi gặp T4, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70B1-502.69 nên nói dối mượn xe của T4 đi đóng tiền lãi trước đây T thế xe ở Campuchia, tưởng thật nên T4 đồng ý để T chở T4 đến gần cửa khẩu Mộc Bài, T kêu T4 đứng chờ để T chạy đi đóng tiền rồi quay lại, sau đó T chạy xe sang Campuchia thế cho một người không rõ họ tên địa chỉ được 9.000.000 đồng, rồi quay lại nói dối T4 là bị Công an bắt xe nên đưa cho T4 700.000 đồng đi xe buýt về, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết, sau đó T đi thành phố Hồ Chí Minh để phụ bán quán ăn.

Kết luận định giá tài sản số 14/KLĐG-TTHS ngày 01/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND Thành phố Tây Ninh kết luận: xe mô tô hai bánh Citicub màu xanh trắng, biển số 70AA-052.14 có giá 5.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG-TTHS ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND huyện Hòa Thành kết luận: 01 xe mô tô biển số 70B1-615.04, nhãn hiệu XIONGSHI, màu sơn tím giá 4.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 prime số seri 35820608223445 đã qua sử dụng giá 1.800.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 44/KLĐG-TTHS ngày 03/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND Thành phố Tây Ninh kết luận: 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda, loại Vision màu trắng đã qua sử dụng, biển số 70D1-323.33 giá 23.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Yamasu, màu đỏ đen đã qua sử dụng, biển số 70T1-5900 giá 3.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda, loại Wave S màu trắng đen đã qua sử dụng, biển số 70G1-123.88 giá 10.000.000 đồng; 01 xe gắn

máy hai bánh hiệu ADUKA, màu đen bạc đã qua sử dụng, biển số 54Y4-2732 giá 3.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hai bánh hiệu SYM, loại Attila Ven, màu đỏ đen đã qua sử dụng, biển số 70D1-268.95 giá 10.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen bạc đã qua sử dụng, biển số 70B1-508.16 giá 8.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda, loại Wave màu trắng đen bạc đã qua sử dụng, biển số 70B1-502.69 giá 13.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng đen bạc đã qua sử dụng, biển số 70E1-288.85 giá 14.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng, đã qua sử dụng giá 1.600.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia C1 màu đen đã qua sử dụng giá 300.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 54Y4-2732, số máy VAVLC152FMH604284 màu đen bạc đã trả lại cho anh Văn Công T3 đúng quy định; xe mô tô biển số 70D1-323.33 của chị Bùi Thị Mỹ L đã được ông Bùi Công M chuộc lại với số tiền 11.000.000 đồng; xe mô tô biển số 70D1-268.95 của anh Nguyễn Thành Đ được chị Nguyễn Thị Thảo T6 chuộc lại với giá 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và vật chứng đã bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Đào Thanh T1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc Mỹ A1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thanh P, Lê Hoàng H yêu cầu bồi thường giá trị xe mô tô và điện thoại theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; người bị hại Nguyễn Thị Kim L1 yêu cầu bồi thường giá trị xe mô tô biển số 70B1-615.04 là 5.200.000 đồng so với giá trị định giá là 4.500.000 đồng; người bị hại Lưu Hồ Phương T4 (người đại diện bà Hồ Thị T5) yêu cầu bồi thường giá trị xe mô tô 70B1-502.69 là 20.500.000 đồng, theo kết quả định giá là 13.000.000 đồng; người bị hại Văn Công T3 đã nhận lại xe mô tô biển số 54Y4-2732 nên chỉ yêu cầu bồi thường giá trị điện thoại Nokia C1 theo định giá là 300.000 đồng. Ông Bùi Công M (đại diện hợp pháp cho người bị hại Bùi Thị Mỹ L) yêu cầu bồi thường số tiền chuộc xe 11.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Thảo T6 yêu cầu bồi thường số tiền chuộc xe 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Nhật T thống nhất yêu cầu bồi thường của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại cáo trạng số 107/QĐ/KSĐT ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Nhật T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 139, điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật;

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo, những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tây Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Bị cáo Trần Nhật T đã nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài nên bị cáo đã sử dụng thủ đoạn làm quen nhiều người trên mạng xã hội zalo, facebook... sau đó hẹn gặp mặt và sử dụng hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản là xe máy và điện thoại di động của nhiều người bị hại với tổng số tiền là 97.200.000 đồng, hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an địa phương, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hiện trường và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Nhật T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt “có tính chất chuyên nghiệp và trị giá tài sản chiếm đoạt từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” được quy định tại điểm b, e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Do đó phải xét

xử bị cáo hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần phòng chống tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần; đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 54Y4-2732, số máy VAVLC152FMH604284 màu đen bạc đã trả lại cho anh Văn Công T3; xe mô tô biển số 70D1-323.33 đã trả lại cho chị Bùi Thị Mỹ L; xe mô tô biển số 70D1-268.95 đã trả lại cho anh Nguyễn Thành Đ.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Trần Nhật T có trách nhiệm bồi thường cho anh Đào Thanh T1 (người đại diện bà Phan Thị Ngọc A) số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Võ Văn Đ1 số tiền 14.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc Mỹ A1 (người đại diện bà Đào Thị H) số tiền 4.600.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 (người đại diện bà Nguyễn Thị Thùy D) số tiền 1.800.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Thanh P số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Hoàng H số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho chị Lưu Hồ Phương T4 (người đại diện bà Hồ Thị T5) số tiền 20.500.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi Công M (đại diện hợp pháp cho người bị hại Bùi Thị Mỹ L) số tiền 11.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Thảo T6 số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 5.200.000 đồng; bồi thường cho ông Văn Công T3 300.000 đồng. Tổng cộng 87.400.000 đồng;

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp vì hành vi phạm tội của bị cáo đã bị người bị hại tố giác và quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận nên bị cáo chỉ được áp dụng tình tiết thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.370.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Nhật T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng Điểm b, e Khoản 2 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Nhật T **04 (Bốn) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trần Nhật T có trách nhiệm bồi thường cho anh Đào Thanh T1 (người đại diện bà Phan Thị Ngọc A) số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); bồi thường cho anh Võ Văn Đ1 số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc Mỹ A1 (người đại diện bà Đào Thị H) số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 (người đại diện bà Nguyễn Thị Thùy D) số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Thanh P số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); bồi thường cho anh Lê Hoàng H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); bồi thường cho chị Lưu Hồ Phương T4 (người đại diện bà Hồ Thị T5) số tiền 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường cho ông Bùi Công M (đại diện hợp pháp cho người bị hại Bùi Thị Mỹ L) số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Thảo T6 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng); bồi thường cho ông Văn Công T3 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng 87.400.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 98 và 99 Bộ luật Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Buộc bị cáo Trần Nhật T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.370.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt biết có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- Đội ĐTTP về TTATXH;
- Đội PV 27;
- CC THADS TPTN;
- THAHS
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- Lưu Hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Lắm